TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà LÊ NGỌC TRẦM

2/ Bà ĐỖ THỊ MỸ HẠNH

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **ÂU KIM Q (Tám Quán)**, sinh năm 1962 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 108/5^{A}, Tổ 22, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy Q ngày 02/01/2018):*

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 26, đường QH1 - Trường Chinh, Khu phố 5, Phường 3, thành phố T, tỉnh T - (có mặt).

- *Đồng bị đơn:*

+ Ông **NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 1960 - (vắng mặt)

+ Bà **MANG THỊ H**, sinh năm 1957 - (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 123/11^{A}, Tổ 22^{B}, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017 và lời trình bày của bà Âu Kim Q và người đại diện hợp pháp của bà Q là anh Nguyễn Văn T trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Do quen biết nên bà Q có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Mang Thị H làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng khui một lần, bắt đầu khui ngày 19/10/2010 âm lịch, bà Q tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 15 là "Tám Quán", đã đóng được 25 kỳ thành tiền là 75.000.000 đồng, bà Q hốt chót nhưng ông T, bà H chưa giao tiền hụi và tuyên bố vỡ hụi.

2/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 36 phần, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 01 và ngày 15 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khui ngày 15/6/2011 âm lịch, bà Q tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 14 và 16 là "Tám Quán", đã đóng được 32 kỳ thành tiền là 16.000.000 đồng.

3/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 31 phần, mỗi tháng khui hai kỳ vào ngày 07 và ngày 22 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khui ngày 07/10/2011 âm lịch, bà Q tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 7 và 8 là "Tám Quán", đã đóng được 22 kỳ thành tiền là 22.000.000 đồng.

4/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 27 phần, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 12 và ngày 28 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khui ngày 28/10/2011 âm lịch, bà Q tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 12 và 13 là "Tám Quán", đã đóng được 23 kỳ thành tiền là 23.000.000 đồng.

5/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 29 phần, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 02 và ngày 17 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khui ngày 17/6/2012 âm lịch, bà Q tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 13 là "Tám Quán", đã đóng được 08 kỳ thành tiền là 4.000.000 đồng.

6/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 31 phần, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 02 và ngày 17 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khui ngày 02/7/2012 âm lịch, bà Q tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 31 tên "Chị Tám Quán", đã góp được 07 kỳ thành tiền là 3.500.000 đồng.

7/ Dây hụi mệnh giá 100.000 đồng, gồm 36 phần, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ Năm, bắt đầu khui ngày 07/7/2012 âm lịch, bà Q tham gia 04 phần, trong danh sách hụi viên ghi bà Q ở số thứ tự 14, 15, 16, 17 là "Tám Quán", đã đóng được 13 kỳ thành tiền là 5.200.000 đồng.

Tổng cộng: 07 dây hụi ông T, bà H nợ bà Q là 148.700.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong số 148.700.000 đồng, bà Q không xác định số tiền gốc bà đã đóng hụi cho ông T, bà H là bao nhiêu, vì cứ tới kỳ hụi ông T, bà H đến nhà gom tiền nói bao nhiêu thì bà góp bấy nhiêu, ông T, bà H có giao danh sách hụi viên cho bà để theo dõi nhưng bà không ghi sổ theo dõi Tng kỳ.

Ngày 05/01/2013 âm lịch ông T, bà H tuyên bố vỡ hụi và bỏ trốn khỏi địa phương cho đến nay, giữa bà với ông T, bà H không có giấy chốt nợ tiền hụi. Ngay sau khi gia đình ông T, bà H bỏ trốn, bà có cùng với các hụi viên khác khởi kiện ra Tòa, Tòa án cho rằng có dấu hiện hình sự nên kêu bà và các hụi viên khác làm đơn tố cáo gửi Công an huyện H xử lý, bà cùng với một số hụi viên khác có tố cáo vợ chồng ông T, bà H gửi Công an huyện H

xử lý nhưng Công an trả lời là tranh chấp dân sự phải khởi kiện qua Tòa án nên chưa giải quyết được. Đến năm 2016 con của ông T, bà H bán đất của ông T, bà H cho người khác nên bà tiếp tục khởi kiện ra Tòa án. Sau khi thụ lý, do ông T, bà H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ đi nên bà rút đơn. Đến năm 2017 sau khi biết tin cơ quan Thi hành án huyện H bán nhà đất của vợ chồng ông T, bà H để thi hành án cho người khác còn dư tiền Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đang giữ nên nay bà tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 148.700.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình thu thập chứng, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T, bà H để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng không lần nào ông T, bà H đến nên không lấy được lời khai của ông T, bà H. Tại biên bản xác minh ông Đoàn Văn Trung - Trưởng Ban quản lý ấp Long Thành ngày 04/01/2018 thể hiện: Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 123/11^{A}, Tổ 22^{B}, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T, do làm ăn thất bại, thiếu nợ nhiều người nên đã bỏ nhà đi T năm 2014 đến nay, hiện ông T, bà H ở đâu địa phương không biết. Do ông T, bà H không có mặt ở địa phương nên Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho ông T, bà H bằng thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Q trình bày căn cứ vào giấy giao kèo giữa chủ hụi và hụi viên thì: dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng mỗi kỳ kêu hốt cao nhất 700.000 đồng, thấp nhất 300.000 đồng, bà đồng ý tính mỗi kỳ kêu hốt hụi là 700.000 đồng, góp 2.300.000 đồng; dây hụi mệnh giá 500.000 đồng mỗi kỳ kêu hốt cao nhất 180.000 đồng, thấp nhất 50.000 đồng, bà đồng ý tính mỗi kỳ kêu hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng; dây hụi mệnh giá 100.000 đồng mỗi kỳ kêu hốt cao nhất 30.000 đồng, thấp nhất 5.000 đồng, bà đồng ý tính mỗi kỳ kêu hốt hụi là 30.000 đồng, góp 70.000 đồng. Bà yêu cầu ông T và bà H trả số tiền gốc tổng cộng 115.220.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9%/ năm T ngày ông T, bà H bỏ địa phương đi Mùng 5 Tết năm 2013 âm lịch (tức ngày 12/02/2013 dương lịch) cho đến nay; ông T và bà H vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể T khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông T và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền gốc 115.220.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật 9%/ năm T ngày 15/02/2013 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông T, bà H là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào các danh sách hụi viên do bà Q cung cấp thể hiện bà Q có tham gia chơi hụi do ông T, bà H làm chủ là có thật. Sau khi bị vỡ hụi ông T, bà H đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống không trả lại tiền góp hụi cho bà Q là vi phạm

về nghĩa vụ T toán, nên bà Q khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Q trình bày bà có tham gia 07 dây hụi do ông T, bà H làm chủ. Tại các biên bản xác minh ông Nguyễn Minh Sang, ông Hồ Văn Lãnh (Lãm), bà Lê Thị Kim Chi đều trình bày có cùng với bà Q tham gia chơi hụi do ông T, bà H làm chủ, ông T, bà H tuyên bố vỡ hụi và bỏ nhà đi đâu không rõ T khoảng tháng 02/2013 đến nay. Sau khi ông T, bà H bỏ trốn khỏi địa phương còn nợ tiền hụi của nhiều người, Trưởng Ban quản lý ấp Long Thành cũng xác nhận. Xét việc trình bày của bà Q đã góp tiền hụi cho ông T, bà H số tiền gốc cụ thể:

- Hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 19/10/2010 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 700.000 đồng, góp 2.300.000 đồng x 25 kỳ = 57.500.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 500.000 đồng, bắt đầu khui ngày 15/6/2011 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng x 32 kỳ = 10.240.000 đồng/ phần x 02 phần = 20.480.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 500.000 đồng, bắt đầu khui ngày 07/10/2011 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng x 22 kỳ = 7.040.000 đồng/ phần x 02 phần = 14.080.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 500.000 đồng, bắt đầu khui ngày 28/10/2011 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng x 23 kỳ = 7.360.000 đồng/ phần x 02 phần = 14.720.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 500.000 đồng, bắt đầu khui ngày 17/6/2012 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng x 08 kỳ = 2.560.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 500.000 đồng, bắt đầu khui ngày 02/7/2012 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 180.000 đồng, góp 320.000 đồng x 07 kỳ = 2.240.000 đồng;

- Hụi mệnh giá 100.000 đồng, bắt đầu khui ngày 07/7/2012 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khui hốt hụi là 30.000 đồng, góp 70.000 đồng x 13 kỳ = 910.000 đồng/ phần x 04 phần = 3.640.000 đồng.

Tổng cộng bà Q đã góp tiền hụi gốc 115.220.000 đồng xét thấy phù hợp, nên cần buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi gốc còn nợ 115.220.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 9%/ năm T ngày ông T, bà H bỏ địa phương đi 15/02/2013 cho đến nay là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

115.220.000 đồng x 0,75%/ tháng x 64 tháng 14 ngày (T ngày 15/02/2013 đến ngày 29/6/2018) = 55.708.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 170.928.000 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Âu Kim Q đối với ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Âu Kim Q số tiền hụi còn nợ gốc và lãi là 170.928.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể T ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà H không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng ông T, bà H còn phải trả cho bà Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H phải chịu 8.546.000 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho bà Âu Kim Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.717.500 đồng (ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0004985 ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà Âu Kim Q biết được Q kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể T ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H vắng mặt được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể T bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).